TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 70/2019/HNGĐ-ST Ngày 17-06-2019 V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân T phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 81/2019/HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 65/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Vũ Ánh H – sinh năm 1973(Có mặt)

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn L-sinh năm 1965(Vắng mặt)

Địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Vũ Ánh H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm Văn L đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện không ai bị ép buộc có tổ chức lễ cưới vào năm 1994 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 10/9/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Xuân(nay là phường Khánh Xuân), TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình sống chung vợ chồng thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến chửi bới xúc phạm nhau ông L nhiều lần đánh đập tôi dẫn đến mất an ninh khu phố, mâu thuẫn càng trầm trọng tôi đã bỏ ra ngoài thuê trọ sinh sống, vợ chồng tôi đã sống ly thân khoảng 02 năm nay và vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Vào năm 2018 tôi đã làm đơn xin ly hôn ra Tòa án vì con cái nên tôi đã rút đơn xin ly hôn, nhưng hai vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Tôi xác định tình cảm vợ chồng là không còn, nay mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được. Tôi xin được ly hôn với ông Phạm Văn L.

-Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là:

1. Cháu Phạm Phúc L-sinh ngày 06/7/1995
2. Cháu Phạm Phúc T- sinh ngày 02/9/1997
3. Cháu Phạm Phúc T- sinh ngày 12/10/2005.

Đối với cháu L, cháu T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập, còn đối với cháu T hiện cháu đang ở với ông L nên tôi đồng ý giao cháu cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên vì tôi thuê trọ và công việc không ổn định nên không có điều kiện nuôi cháu.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Phạm Văn L: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông L không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Vũ Ánh H vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với ông Phạm Văn L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Vũ Ánh H và bị đơn ông Phạm Văn L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Phạm Văn L nhưng ông L không lên Tòa án làm việc mà chỉ có bà Trần Vũ Ánh H lên Tòa án làm việc nên không tiến hành lấy lời khai của ông Phạm Văn L cũng như tiến hành hòa giải được. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết: Quá trình chung sống vợ chồng giữa ông L và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà H đã đưa mẹ ruột ra ngoài trọ sinh sống còn ông Phạm Văn L vẫn đang sinh sống tại 134 Tổ dân phố 5,

phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk việc bà H xin ly hôn thì ông L đồng ý nhưng không lên Tòa án làm việc.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Vũ Ánh H và bị đơn ông Phạm Văn L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật vào ngày 10/9/1994 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Xuân(nay là phường Khánh Xuân), TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn tự nguyện nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Vợ chồng bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau, nặng lời xúc phạm đến nhau. Bà H, ông L đã hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tiếp tục mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 năm nay và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.Như vậy bà Trần Vũ Ánh H và ông Phạm Văn L sống chung có mâu thuẫn xảy ra nên cần chấp đơn ly hôn của bà Trần Vũ Ánh H và cho bà Trần Vũ Ánh H được ly hôn với ông Phạm Văn L.

-Về con chung: Bà Trần Vũ Ánh H và bị đơn ông Phạm Văn L có 03 con chung là cháu: Phạm Phúc L;sinh ngày 06/7/1995 và cháu Phạm Phúc T- sinh ngày 02/9/1997 và cháu Phạm Phúc T- sinh ngày 12/10/2005. Đối với cháu L, cháu T đã đủ 18 tuổi nên không đề cập,

Còn đối với cháu Phạm Phúc T hiện cháu đang ở với ông L. Bà H đồng ý giao cháu T cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên vì bà H thuê trọ và công việc không ổn định nên không có điều kiện nuôi cháu. Xét nguyện vọng của cháu Phạm Phúc T là khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với ông L nên cần giao cháu Phạm Phúc T- sinh ngày 12/10/2005 cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Vũ Ánh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Vũ Ánh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Trần Vũ Ánh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Trần Vũ Ánh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Vũ Ánh H được ly hôn với ông Phạm Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Phúc T- sinh ngày 12/10/2005 cho ông Phạm Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi).

Bà Trần Vũ Ánh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trần Vũ Ánh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Vũ Ánh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Vũ Ánh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0011807 ngày 20/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.Ông Phạm Văn L không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND phường P. Khánh Xuân
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ